

KIỂU HÌNH CỦA ĐỘNG TỪ CHUYỂN ĐỘNG TRONG TIẾNG VIỆT CÓ SỰ LIÊN HỆ VỚI TIẾNG ANH

Lý Ngọc Toàn, Lê Hương Hoa

Trường Đại học Cảnh sát Nhân dân

TÓM TẮT

Talmy (nhà ngôn ngữ học Mỹ) trong một công trình nghiên cứu về động từ chuyển động đã chứng minh ngôn ngữ được phạm trù hóa theo hai định khung: (i) ngôn ngữ định khung động từ (chuyển động được biểu đạt bởi động từ), (ii) ngôn ngữ định khung phụ từ (chuyển động được biểu đạt bởi có kết hợp giữa động từ và đường dẫn), phụ thuộc vào phương cách mà sơ đồ hình ảnh về chuyển động được phóng chiếu nên một biểu thức ngôn ngữ. Bài báo tập trung phân tích động từ chuyển động trong tiếng Việt có liên hệ với tiếng Anh theo định khung phân định của Talmy. Kết quả phân tích cho thấy, động từ chuyển động trong tiếng Việt có những sự khác biệt lớn với tiếng Anh và hầu hết các ngôn ngữ trên thế giới. Tiếng Việt chẳng những không thuộc vào cả hai định khung phân định của Talmy, mà còn tạo ra một kiểu định khung mới đó là kết cấu chuỗi động từ (Henry Beecher). Chính kết cấu của chuỗi động từ này đã trở thành đề tài hấp dẫn đối với nhiều nhà ngôn ngữ học và những người thích nghiên cứu ngôn ngữ.

Từ khóa: ngôn ngữ, định khung động, định khung phụ từ

*

1. Giới thiệu

Năm 1985, Leonard Talmy đã cho xuất bản một công trình đầu tay về động từ chuyển động (motion verbs). Dựa trên nghiên cứu về động từ chuyển động, ông đã phân định ngôn ngữ làm hai nhóm chính: nhóm ngôn ngữ định khung động từ (verb-framed) và nhóm ngôn ngữ định khung phụ từ (sattelite-framed). Sự phân định này phụ thuộc vào mức độ mà sơ đồ chuyển động (motion schema) trọng tâm được phóng chiếu trên một biểu thức ngôn ngữ như thế nào. Loại ngôn ngữ định khung động từ phần lớn truyền tải thông tin đường dẫn trong chuyển động thông qua quá trình từ vựng hóa động từ trong

ngôn ngữ, ví dụ: enter (vào trong), descend (đi xuống), hay ascend (đi lên)... Ngôn ngữ định khung phụ từ giải mã thông tin đường dẫn thông qua các thành phần phụ như: tiểu từ, tiếp đầu ngữ hay giới từ có sự gắn kết với động từ chính như: go to (đi đến), come back (trở lại), hay climb up (trèo lên).

Khi nghiên cứu vấn đề này trong tiếng Việt, chúng ta nhận thấy rằng động từ chuyển động có những đặc tính hoàn toàn trái ngược với hai nhóm ngôn ngữ mà Talmy đã phân định, bởi vì động từ chuyển động trong tiếng Việt bao trùm đặc tính của cả hai nhóm ngôn ngữ đã đề cập. Điều này hoàn toàn phù hợp với quan điểm của

Slobin cho rằng có những những ngôn ngữ không những không mang đặc tính của hai loại ngôn ngữ trên, mà nó có những đặc tính riêng biệt khác. Ông phân tích, nhiều ngôn ngữ định khung phụ từ mà ở đó phụ từ không phải là các tiểu từ, giới từ hay tiếp vị từ, mà phụ từ là những thành phần ngữ pháp đặc tính tương ứng với động từ chính trong câu. Slobin đã đưa ra một loại ngôn ngữ thứ ba đó là ngôn ngữ định khung thành phần tương ứng (equipollently-framed). Trong loại ngôn ngữ này, thành phần tương ứng có vai trò và chức năng rất đa dạng, có thể là những giới từ nhưng cũng có thể là động từ, như trong câu trong tiếng Việt: “*Lá vàng trút xuống mặt đường, lăn theo nhau rào rào*” (Anh Xẩm, Nguyễn Công Hoan). Động từ chính trong câu trên là “trút” và theo sau là từ “xuống”. Vấn đề cần xem xét trong câu này là từ “xuống” là động từ hay giới từ. Nếu từ *xuống* chỉ có chức năng như là một giới từ, thì động từ chuyển động trong tiếng Việt được xếp vào loại ngôn ngữ định khung phụ từ. Tuy nhiên, về bản chất thì từ “xuống” trong tiếng Việt không được xếp vào từ loại giới từ, nó luôn có vai trò và chức năng của một động từ. Như vậy, động từ “trút” trong tiếng Việt không thể xếp vào loại động từ chuyển động trong ngôn ngữ định khung phụ từ. Trong trường hợp này, động từ “trút” và “xuống” nên được nghiên cứu trong cấu trúc chuỗi động từ của Henry Beecher.

Trong ngôn ngữ, động từ có thể diễn đạt sự chuyển động theo hai cách đó là phương thức chuyển động (manner) và đường dẫn trong chuyển động. Talmy đã làm rõ vấn đề này trong sự so sánh giữa tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha.

(1a) Tiếng Anh: *The bottle floated into the case.*

(1b) Tiếng Tây Ban Nha: *La bottella entro a la cueva.*

(1c) Tiếng Việt: *Cái chai trôi vào trong động.*

Thông qua ví dụ trên, ta có thể dễ dàng nhận ra rằng, trong tiếng Anh động từ phác họa cách thức của chuyển động, trong khi đó tiếng Tây Ban Nha phác họa đường dẫn của chuyển động. Khi phân tích câu trên trong tiếng Việt, với động từ *trôi* “to float” ta thấy đây là cách thức chuyển động, với động từ *vào* “to enter” ta thấy đây là đường dẫn của chuyển động. Do vậy, thật không dễ để phân định xem tiếng Việt là ngôn ngữ định khung động từ hay định khung phụ từ.

2. Sự độc lập của động từ

Trong tiếng Việt, một câu có thể tồn tại hai hay nhiều động từ xuất hiện ở những vị trí khác nhau, có chức năng độc lập trong một câu và tạo nên hiện tượng chuỗi động từ. Mặc dù xảy ra trong một chuỗi của động từ, nhưng chúng không kết hợp với nhau để tạo thành một nghĩa như tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác, mà mỗi động từ trong chuỗi đó mang ý nghĩa độc lập trong câu. Từ ví dụ: *Cái chai trôi vào trong động* ở trên, ta thấy hai động từ “trôi” và “vào” cùng xảy ra trong một chuỗi và cả hai động từ này có vai trò như động từ chính trong câu, nhưng không thể độc lập diễn tả hết ý nghĩa của câu trên. Từ câu trên, chúng ta có thể hiểu hai ý khác nhau như:

(2a) *Cái chai trôi trong động.*

(2b) *Cái chai vào trong động.*

Hai câu này lần lượt cho ta thấy, câu 2a mang đặc tính của loại ngôn ngữ định khung động từ, còn câu 2b mang đặc tính của ngôn ngữ định khung phụ từ. Cho nên,

càng trở nên mơ hồ hơn khi phải phân định tiếng Việt thuộc loại ngôn ngữ nào mà Talmy đã đưa ra.

3. Chức năng đơn và kép giữa động từ và giới từ trong tiếng Việt

Trong tiếng Việt, chuỗi động từ, những phụ từ vừa có chức năng như một động từ và cũng có chức năng như một giới từ. Bảng 1 dưới đây cho thấy, những phụ từ sau trong chuỗi động từ có vai trò vừa là động từ vừa là giới từ.

Bảng 1: Bảng từ chức năng kép trong tiếng Việt

Qua	Through or to cross over
Về	Back or to go back
Vào	Into or to enter
Ra	Out of or to exit
Sang	Across or to cross horizontally
Lên	Up or to ascend
Xuống	Down or to descend
Lại	Again or to arrive
Đến	To or to reach

Ở đây, động từ được sử dụng như là đường dẫn cho chuyển động, không có thành phần phụ. Trong những trường hợp này, tiếng Việt có thể được cho là thuộc loại ngôn ngữ định khung động từ. Tuy nhiên, không phải tất cả các từ loại theo sau động từ chuyển động luôn có hai chức năng vừa là động từ và vừa là giới từ. Trong nhiều trường hợp, các phụ từ chỉ có vai trò như giới từ, là đường dẫn cho động từ chuyển động. Với trường hợp này, thì những động từ chuyển động lại được xếp vào loại ngôn ngữ định khung phụ từ.

Bảng 2: Giới từ trong tiếng Việt

Quanh	Around
Dưới lòng	Under
Trên	Over
Dọc theo	Along

Rõ ràng, khi những động từ chuyển động được sử dụng kèm với những giới từ này, thì tiếng Việt hiển nhiên thuộc về

loại ngôn ngữ định khung phụ từ. Chúng ta chỉ có thể nói: (3a) “Em bé bò *quanh* ô tô”. Chúng ta không thể nói: (3b) “Em bé *quanh* ô tô”.

Trong ví dụ này, phụ từ “quanh” chỉ được sử dụng như giới từ như trong ví dụ 3a, chúng ta không thể sử dụng phụ từ “quanh” làm động từ như trong ví dụ 3b. Vì thế, một lần nữa ta có thể khẳng định rằng, tiếng Việt có tính lưỡng phân, và nên được phân định thuộc loại ngôn ngữ định khung phụ từ của Beecher.

4. Kết cấu chuỗi động từ tiếng Việt

Trở lại với bảng 1, những phụ từ có chức năng kép vừa là giới từ và vừa là động từ, chúng ta nhận thấy rằng phụ từ “vào” trong ví dụ 1c không chỉ có vai trò như là đường dẫn của động từ chính “trôi”, mà nó còn được lí giải như là một động từ chính mang nghĩa “enter” hay còn là một giới từ cho một số động từ chuyển động khác như: đi vào, chạy vào, bước vào... Từ việc phân tích đặc tính đa dạng của phụ từ “vào” trong ví dụ trên, chúng ta có thể xem cụm từ “trôi vào” như là một kết cấu của chuỗi động từ. Các ví dụ khác:

(4a) Con mèo *nhảy qua* cửa sổ.

(4b) Tôi *đi bộ đến* công viên.

Quan sát ví dụ 4a và 4b, chúng ta có khả năng phân tích ví dụ 1c bằng nhiều cách khác nhau. Cách hiểu thứ nhất, cụm từ “trôi vào” có chức năng như là một kết cấu chuỗi động từ, với hai vai trò là cách thức của động từ chuyển động và đường dẫn của động từ chuyển động. Trong trường hợp này, sự có mặt của đường dẫn động từ chuyển động cho ta thấy, tiếng Việt thuộc loại ngôn ngữ định khung động từ. Trong trường hợp có xuất hiện của động từ

“trôi” lại cho ta khẳng định tiếng Việt là ngôn ngữ định khung phụ từ.

Cách hiểu thứ hai, cụm từ “vào trong” có chức năng như một chuỗi giới từ. Từ *vào* sẽ có chức năng như là phụ từ cho động từ *trôi*, thì ta có thể khẳng định rằng tiếng Việt là ngôn ngữ định khung phụ từ. Như vậy, chúng ta có thể phân định rằng, trong tiếng Việt các thành phần phụ theo sau động từ chuyển động có thể kết hợp để tạo thành ngôn ngữ có thuộc tính định khung động từ hay định khung phụ từ, hay chúng nên được xem như là một chuỗi giới từ (a series of preposition).

Trong tiếng Việt, kết cấu chuỗi động từ thường có dạng SVCs (chủ ngữ – động từ – bổ ngữ). Beecher (2004) đã mô tả kết cấu chuỗi động từ chuyển động trong tiếng Việt trong ba loại sau:

Loại 1: Hoạt động và mục tiêu

(4c) *Tôi thấy một bông hoa.*

Loại 2: Hệ quả

(4d) *Tôi đốt một cái nhà cháy.*

Loại 3: Chuyển động và đường dẫn

(4e) *Tôi rút xuống một cái lỗ.*

Theo cách phân tích đường dẫn động từ chuyển động của Beecher, từ “vào” trong câu 1c đang được sử dụng với vai trò là động từ hơn là với vai trò của một giới từ. Theo quan điểm này, câu 1c nên được xem như là một kết cấu chuỗi động từ hơn là xem nó là một giới từ, để rồi hình thành nên đặc tính của ngôn ngữ định khung phụ từ. Điều này cũng trùng khớp với quan điểm của Slobin về loại câu được gọi là ngôn ngữ định khung thành phần tương ứng.

5. Tính định vị trong kết cấu chuỗi động từ

Trong kết cấu chuỗi động từ, những động từ hay giới từ trong kết cấu đó có vai

trò định vị vị trí của chuyển động. Tuy nhiên, một vị trí của động từ chuyển động, không phải luôn được thể hiện rõ ràng thông qua các từ ngữ cụ thể. Ví dụ:

(5a) *Một / đám / mây / bay / tới.*

Ở ví dụ này, trong tiếng Anh, ý niệm một đám mây đang bay “floating” vào một không gian nhất định, và được định vị bởi cụm từ “into view”. Việc định vị cho động từ “bay” trong tiếng Anh là cần thiết, bởi vì động từ “bay” trong tiếng Anh có dạng thức SVCs nên đòi hỏi phải có thành phần phụ để hoàn chỉnh nghĩa trong câu, tuy nhiên điều này lại không cần thiết phải diễn đạt trong tiếng Việt. Để lí giải cho điều này, chúng ta phân tích vai trò của phụ từ “tới” trong ví dụ trên. Nếu phụ từ “tới” có vai trò như là động từ, thì cụm từ “bay tới” được xem như là một kết cấu chuỗi động từ, và khi đó phụ từ “tới” có chức năng định vị cho động từ chính của câu và câu này hoàn toàn đủ nghĩa. Nếu phụ từ “tới” có vai trò như là giới từ, thì phụ từ “tới” có chức năng đường dẫn cho động từ “bay” và câu này trở nên tối nghĩa. Trong kết cấu chuỗi động từ trong tiếng Việt, việc định vị cho động từ chuyển động chỉ xảy ra khi phụ từ là giới từ. Một số trường hợp khác:

(5b) *Cô ấy để tang cho mẹ mình.*

(5c) *Em bé với tay ra.*

(5d) *Cái hạt mọc thành cây hoa.*

Ví dụ 5c có sự xuất hiện của một động từ “với” và giới từ “ra” với vai trò lợi thể (benefactive) trong câu. Động từ “với” phần nào mang đặc tính của một động từ chuyển động có hướng khi được đi kèm với giới từ định vị “ra”, nhưng câu này vẫn phần nào hoàn chỉnh về mặt nghĩa, bởi vì ý niệm về hướng trong ví dụ này có đặc tính ẩn dụ ý niệm. Trong ví dụ 5d, về mặt cấu trúc thì

hoàn toàn khác với 5b và 5c bởi vì một động từ đứng sau động từ chính trong câu mang đặc tính của cấu trúc hoạt động mục tiêu (activity- goal) mà Beecher đã phân tích. Cho nên, bản thân động từ “thành” không những không định vị cho động từ “mọc” mà nó cần phải có thành phần bổ nghĩa.

6. Chèn từ

Trong ví dụ mà Beecher đưa ra theo mẫu thức hệ quả (resultative type) SVCs thì một từ có thể được chèn vào vị trí giữa trong kết cấu chuỗi động từ của mẫu thức SVC. Ví dụ: (6a) *Tôi đốt một cái nhà cháy*. Ở đây, chuỗi động từ “đốt cháy” được chèn vào giữa một từ “cái nhà”, tuy nhiên hiện tượng này cũng có thể xảy ra trong mẫu thức không thuộc loại mẫu thức hệ quả (non-resultative type). Từ được chèn trong mẫu thức này nằm ở vị trí giữa của mẫu thức SVC, và động từ trong mẫu thức này là động từ có hướng.

(6b) *Cô ấy dứt **băng cát sét** vào trong máy*.

Trong ví dụ (6b), từ “băng cát sét” có vai trò là tân ngữ cho cụm động từ, nhưng xét trong mẫu thức SVC thì liệu rằng cụm từ “băng cát sét” làm tân ngữ cho động từ chính “dứt” hay làm tân ngữ cho kết cấu chuỗi động từ “dứt vào” thì vẫn chưa rõ ràng. Ngoài ra, chúng ta cũng có thể chèn vào mẫu thức SVCs bằng một trạng từ. Trong câu sau đây, trạng từ “tròn” được chèn vào giữa hai động từ “quay” và “vào”. Ví dụ:

(6c) *Vũ công nhảy quay **tròn** vào trong phòng*.

Sự xuất hiện của trạng từ trong câu trên cho ta một lần nữa khẳng định về chuỗi động từ, nếu điều này là đúng, thì việc sử dụng trạng từ “tròn” cho thấy rằng phụ từ “vào” có vai trò như là một giới từ.

7. Phủ định

Trong tiếng Việt, việc thành lập phủ định trong câu thường được thực hiện bằng cách chèn trực tiếp trạng từ phủ định “không” ngay trước động từ chính như trong câu (7a):

(7a) *Người đàn ông **không** về nhà*.

Mặc dù để diễn đạt ý tưởng “người đàn ông đã không về nhà, mà đến bệnh viện”. Trạng từ phủ định không được đặt trước động từ “về” mà phải đặt trước động từ chính của câu là “lê”. Như vậy, ta lại thấy một điều mơ hồ rằng từ “về” trong câu trên là động từ hay là giới từ. Nếu ta đặt trạng từ phủ định “không” trước từ “về” thì câu này hoàn toàn không có nghĩa.

(7b) *Người đàn ông **lê không** về nhà*.

Tuy nhiên, trong tiếng Việt, với những trường hợp trong câu giản lược, trạng từ phủ định không được đặt trước động từ chính của câu, mà có thể được hiểu ngầm. Trong nhiều trường hợp người ta vẫn có thể nói:

(7c) *Người đàn ông vào trong*.

Trong ví dụ này, nếu người phát ngôn (interlocutor) nhận thức được rằng, người đàn ông thực sự đã đi ra khỏi một nơi nào đó, thì người phát ngôn không cần phải diễn đạt bằng cách đặt từ phủ định “không” trước động từ “vào”.

8. Kết luận

– Trong tiếng Việt chính thức tồn tại cả hai hình thức: cách thức của động từ chuyển động và đường dẫn của động từ chuyển động trong mẫu thức SVCs để mô tả chuyển động.

– Tiếng Việt hoàn toàn nằm ngoài sự phân định về kiểu hình ngôn ngữ của Talmy. Nếu sử dụng kiểu hình của ngôn ngữ (định khung động từ và định khung

phụ từ) của Talmy để phân tích tính phổ
quát (universal) của ngôn ngữ, rõ ràng tiếng

Việt có nhiều điểm khác biệt với các ngôn
ngữ khác trên thế giới về mặt kiểu hình.

*

FORMS OF MOTION VERBS IN VIETNAMESE AND THEIR RELATIONSHIP WITH THOSE IN ENGLISH

Ly Ngoc Toan, Le Huong Hoa

People's Police University

ABSTRACT

Talmy (a American linguist) in his research on motion verbs proved that languages are categorized into two classifications: (i) language framed by verbs (motions are expressed by verbs), (ii) language framed by adjuncts (motions are expressed by verbs and paths combined) depending on the method that motion diagrams are reflected to become language expressions. The article focuses on analyzing motion verbs in Vietnamese and their relationships with those in English based on Talmy's classification frame. The result shows that motion verbs in Vietnamese have a big discrepancy from English and most of other languages in the world. Vietnamese does not fit into both of Talmy's classification frames, but also creates a new classification frame which is a verb string structure (Henry Beecher). It is the verb string structure that has become an attractive topics for many linguists and people interested in researching on languages.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Beecher, Henry (2004), *Three varieties of serial vern construction in Vietnamese*
- [2]. Levinson Stepen C. (2004), *Space in Language and Cognition*, Cambridge.
- [3]. Nguyễn Đăng Liêm (1975), *Vietnamese Grammar*, Canberra, Austrlia.
- [4]. Robert Stephane (2006), *Space in Languages*, John Benjamins Publishing Company.
- [5]. Talmy Leonard (2000), *Toward a Cognitive Semantics*, The MIT